

AN LUAN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53 /2014/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 129/2014/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án một số quy định đối với công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1213/TTr-STNMT ngày 23/10/2014; Công văn số 3975/STNMT-CCQLĐĐ ngày 31/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về trình tự, thủ tục bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Xử lý một số vấn đề phát sinh khi ban hành Quyết định này

Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

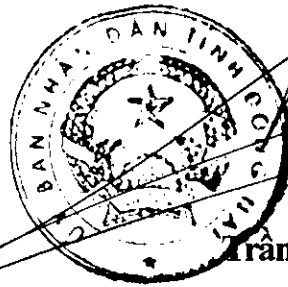
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các cơ quan báo, đài;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, ĐT, TH, NC, BTCD, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc

QUY ĐỊNH

**Về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11...
năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.
2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ; THU
HỒI ĐẤT, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG**

Mục 1

GIAO NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG VÀ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Ủy ban nhân dân tỉnh giao việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng (sau đây gọi là Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường) cụ thể như sau:

1. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các huyện thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (sau đây gọi là Hội đồng Bồi thường cấp huyện).

Hội đồng Bồi thường cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, trong đó thành phần gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng Bồi thường là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Đại diện lãnh đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất là Phó Chủ tịch Hội đồng Bồi thường;
- c) Đại diện lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường - thành viên;
- d) Đại diện lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch - thành viên;
- đ) Đại diện lãnh đạo Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị - thành viên;
- e) Đại diện lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - thành viên;
- g) Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi - thành viên;
- h) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi - thành viên;
- i) Đại diện Chủ đầu tư - thành viên;
- k) Đại diện những hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi từ 01 (một) đến 02 (hai) người - thành viên;
- l) Một số thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

Cơ quan giúp Hội đồng Bồi thường cấp huyện thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là Trung tâm Phát triển quỹ đất.

Hội đồng Bồi thường được thành lập theo từng dự án để thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn cấp huyện. Hội đồng Bồi thường làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng; Chủ tịch Hội đồng Bồi thường được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng Bồi thường được sử dụng con dấu của Trung tâm Phát triển quỹ đất trong quá trình hoạt động. Hội đồng Bồi thường tự chấm dứt nhiệm vụ sau khi hoàn thành việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao đất cho chủ dự án.

2. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với từng dự án cụ thể.

Điều 4. Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Thông báo thu hồi đất và thành lập Hội đồng Bồi thường.

1. Căn cứ các dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo Điều 61, 62, 63 Luật Đất đai 2013. Ngay sau khi có Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và thông báo thu hồi đất của dự án.

Nội dung kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và thông báo thu hồi đất quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

2. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo thu hồi đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi hợp phổ biến, gửi trực tiếp cho người có đất thu hồi và thông báo trên Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã. Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt của khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

3. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo thu hồi đất, phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng Bồi thường.

Mục 2

KHẢO SÁT, ĐO ĐẠC LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ; XÁC ĐỊNH GIÁ CỤ THỂ ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG; TỔ CHỨC ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, ĐO ĐẠC VÀ KIỂM ĐIỂM, THỐNG KÊ NHÀ Ở, TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 5. Khảo sát, đo đạc để lập dự án đầu tư

1. Sau khi cơ quan nhà nước phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và thông báo thu hồi đất của dự án thì chủ đầu tư phối hợp cơ quan tài nguyên và môi trường tiến hành khảo sát, đo đạc để lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật về xây dựng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo việc đo đạc lập bản đồ địa chính phục vụ việc thu hồi đất thực hiện dự án.

Điều 6. Xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường.

Sau khi hoàn tất việc đo đạc, lập bản đồ thu hồi đất của dự án, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm báo cáo, nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường của dự án.

Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức xác định giá đất, trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai 2013 và Điều 15, Điều 16 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Hồ sơ nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường gồm:

- a) Thông báo thu hồi đất của dự án;
- b) Bản đồ khu vực dự án.

Điều 7. Thông báo kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất bị thiệt hại và ảnh hưởng bởi dự án

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi lập danh sách người có đất thu hồi nằm trong khu vực dự án. Trường hợp người có tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người có đất thu hồi (chỉ sở hữu tài sản gắn liền với đất) thì phải lập danh sách cả tên người có đất thu hồi và người sở hữu tài sản gắn liền với đất.

2. Căn cứ theo danh sách đã lập, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi gửi thông báo kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất cho người có đất thu hồi. Thông báo phải nêu rõ thời gian, địa điểm có mặt để tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất và được lập thành 03 (ba) bản: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giữ 01 (một) bản và vào sổ lưu, Ủy ban nhân dân cấp xã giữ 01 (một) bản, 01 (một) bản gửi cho người có đất thu hồi.

3. Trường hợp người có đất thu hồi không có mặt tại địa phương hoặc không xác định được địa chỉ thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết Thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã

và tại các địa điểm sinh hoạt của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đồng thời đăng thông báo trên Báo Đồng Nai trong 03 (ba) kỳ liên tiếp.

Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày niêm yết, đăng báo (lần đầu) thông báo kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất mà người có đất thu hồi không đến liên hệ tại trụ sở của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi lập biên bản và thực hiện việc kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất theo diện vắng chủ.

Điều 8. Tổ chức kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất

1. Thành phần tham gia kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất gồm có:

- a) Đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất - Tổ trưởng;
- b) Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường - thành viên;
- c) Đại diện Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa - thành viên;
- d) Đại diện Phòng Quản lý Đô thị hoặc Phòng Kinh tế Hạ tầng - thành viên;
- đ) Người có đất thu hồi hoặc người đại diện hợp pháp - thành viên;
- e) Đại diện chủ dự án - thành viên;
- g) Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã - thành viên;
- h) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi - thành viên;
- i) Đại diện khu phố, thôn, ấp, xóm - thành viên;
- k) Đại diện của những người có đất thu hồi đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi giới thiệu - thành viên.

2. Nội dung kiểm đếm được thực hiện như sau:

a) Kiểm đếm về đất đai: ghi diện tích theo bản đồ thu hồi đất và hiện trạng sử dụng đất.

b) Kiểm đếm về nhà ở, vật kiến trúc và các công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân: kiểm đếm toàn bộ hạng mục, mô tả số lượng, kết cấu

hạng nhà; trường hợp nhà, vật kiến trúc bị giải tỏa một phần thì chỉ đo đạc xác định phần bị giải tỏa.

Đối với nhà và các loại công trình, vật kiến trúc mà khi tháo dỡ phần bị giải tỏa làm ảnh hưởng đến cấu trúc của phần còn lại thì phải xem xét xác định phần ảnh hưởng. Diện tích tính ảnh hưởng là diện tích tính từ vạch giải tỏa đến mép trụ đỡ gần nhất của phần còn lại; việc xác định phần ảnh hưởng chỉ áp dụng đối với trường hợp diện tích còn lại (khi tháo dỡ phần giải tỏa và ảnh hưởng) có thể tự chống đỡ để tồn tại và sử dụng được.

c) Phần kiểm đếm về tài sản khác như: Đồng hồ điện, nước (phải ghi rõ là đồng hồ chính hay phụ), giếng, điện thoại,...; các hạng mục như hầm tự hoại, bể nước, nhà vệ sinh... nằm trong kết cấu nhà thì không kiểm đếm, chỉ kiểm đếm khi là công trình phụ nhưng có kết cấu độc lập nằm ngoài diện tích nhà.

d) Phần kiểm đếm về cây trồng: Kiểm đếm và phân loại đối với từng loại cây trồng hiện có trên đất.

đ) Đối với nhà cửa, vật kiến trúc phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh là tài sản của tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh, có trích khấu hao thì phải đánh giá tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản để ghi vào biên bản kiểm đếm.

e) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm vẽ sơ đồ nhà, vật kiến trúc vào biên bản kiểm đếm.

3. Lập biên bản kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất

a) Biên bản kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất là tài liệu xác lập số lượng, chất lượng tài sản gắn liền với diện tích đất thu hồi để làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường, hỗ trợ và được lập theo mẫu số 01 của phụ lục kèm theo Quy định này.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau và phải có chữ ký của tất cả thành viên tham gia kiểm đếm hoặc điếm chỉ (nếu không ký được) do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập và Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

b) Nội dung biên bản phải ghi nhận ý kiến của người có đất thu hồi về thời gian xây dựng nhà ở hoặc thời gian tạo lập tài sản trên đất (công trình phụ, giếng nước, ao đào, cây trồng...). Trường hợp ghi sai thì gạch ngang chữ ghi sai, không được tẩy xóa; người ghi sai phải ghi lại và ký vào bên cạnh chữ đã ghi sai.

4. Các trường hợp kiểm đếm đặc biệt

a) Trường hợp kiểm đếm theo diện vắng chủ thì ghi trong biên bản cụm từ: “kiểm đếm theo diện vắng chủ”; trường hợp người có đất thu hồi không có tài sản gắn liền với đất thì ghi vào biên bản cụm từ “người có đất thu hồi không có tài sản gắn liền với đất”; trường hợp giải tỏa nhà ở phải di chuyển chỗ ở thì ghi vào đầu biên bản cụm từ “hộ bị giải tỏa nhà ở phải di chuyển chỗ ở”.

b) Trường hợp kiểm đếm theo diện vắng chủ hoặc người có đất thu hồi có mặt nhưng không ký biên bản thì phải ghi nhận rõ sự việc, lý do từ chối ký biên bản và đại diện thôn, ấp, khu phố ký xác nhận sự việc, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (ký tên, đóng dấu).

c) Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi không phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Ủy ban nhân dân và Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tổ chức vận động, thuyết phục để người sử dụng đất thực hiện.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được vận động, thuyết phục mà người sử dụng đất vẫn không phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc. Trường hợp người có đất thu hồi không chấp hành thì chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Điều 70 Luật Đất đai 2013.

5. Việc kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất phải được thực hiện liên tục cho đến khi kết thúc đối với toàn bộ dự án (không thực hiện làm nhiều đợt). Thời gian kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất của một dự án được quy định cụ thể như sau:

a) Đối với dự án có quy mô diện tích dưới 10ha (mười héc-ta) thì thời gian thực hiện không quá 20 (hai mươi) ngày;

b) Đối với dự án có quy mô diện tích từ 10ha (mười héc-ta) đến dưới 30ha (ba mươi héc-ta) thì thời gian thực hiện không quá 40 (bốn mươi) ngày;

c) Đối với dự án có quy mô diện tích từ 30ha (ba mươi héc-ta) đến dưới 50ha (năm mươi héc-ta) thì thời gian thực hiện không quá 60 (sáu mươi) ngày;

d) Đối với dự án có quy mô diện tích từ 50ha (năm mươi héc-ta) trở lên thì thời gian thực hiện không quá 80 (tám mươi) ngày.

Trường hợp dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến hoặc dự án có phạm vi thu hồi đất thuộc 02 (hai) đơn vị hành chính cấp xã trở lên mà có quy

mô diện tích từ 20ha (hai mươi héc-ta) trở lên đối với thành phố Biên Hòa, 30ha (ba mươi héc-ta) trở lên đối với các phường của thị xã Long Khánh và các thị trấn, 50ha (năm mươi héc-ta) trở lên đối với các xã còn lại thì được thực hiện việc kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất không quá 03 (ba) đợt tùy vào tính chất phức tạp của từng dự án; trường hợp đặc biệt mà phải thực hiện việc kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất nhiều đợt thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp tài liệu đo đạc, hồ sơ địa chính không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất hoặc phải lập thủ tục kiểm đếm bắt buộc thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập danh sách báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi xử lý và thực hiện việc kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất ngay sau khi được xử lý.

6. Trường hợp cần thiết, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với chủ đầu tư dự án ghi lại hình ảnh nhà cửa, vật kiến trúc, tài sản khác trên từng thửa đất để làm tài liệu lưu vào hồ sơ.

7. Đối với những trường hợp kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất theo diện vắng chủ thì ngay sau khi kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai kết quả kiểm đếm tại Ủy ban nhân dân cấp xã và tại điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất thu hồi. Thời gian niêm yết là 05 (năm) ngày.

Điều 9. Xử lý một số trường hợp cụ thể khi thực hiện kiểm đếm

1. Trường hợp sau khi giải tỏa một phần nhà ở, công trình trên đất mà phần còn lại không thể sử dụng được, không thể tự chống đỡ để tồn tại thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải đo đạc, kiểm đếm, tính toán bồi thường toàn bộ phần diện tích còn lại của nhà ở, công trình đó. Trong trường hợp này, biên bản kiểm đếm phải ghi rõ lý do thực hiện việc đo đạc, kiểm đếm toàn bộ diện tích nhà ở, công trình.

2. Trường hợp diện tích đất còn lại của thửa đất hoặc các thửa đất nằm ngoài phạm vi thu hồi đất mà người có đất thu hồi không thể tiếp tục sản xuất hoặc không sử dụng được do hình thể đặc biệt, do không phù hợp quy hoạch, do diện tích đất ở còn lại không đủ điều kiện được cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 4317/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân cấp, ủy quyền cấp phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và người có đất thu hồi đề nghị thu hồi,

bồi thường, hỗ trợ hết diện tích đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất hoặc các thửa đất đó thì ghi vào biên bản kiểm kê cụm từ “người có đất thu hồi đề nghị Nhà nước thu hồi, bồi thường, hỗ trợ hết diện tích thửa đất và tài sản gắn liền với thửa đất (diện tích, số tờ, số thửa) và không có khiếu nại về sau” và thực hiện việc kiểm đếm toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất hoặc các thửa đất đó.

Chủ đầu tư phải có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích đất này và được quyền sử dụng theo quy định pháp luật; trường hợp dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi quản lý.

3. Trường hợp thửa đất và tài sản trên đất thu hồi đã bị kê biên theo quyết định của Tòa án hoặc Thi hành án và các cơ quan có thẩm quyền khác thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đã ra quyết định phối hợp tổ chức kiểm đếm và lập phương án bồi thường để bảo đảm thi hành quyết định; việc chi trả tiền bồi thường đối với trường hợp này chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến chính thức bằng văn bản của cơ quan đã ban hành quyết định.

4. Trường hợp người bị thu hồi đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nhưng đã chết trước thời điểm kiểm đếm mà các đồng thừa kế chưa làm thủ tục thừa kế theo quy định thì việc kiểm đếm được thực hiện với sự tham gia của người đại diện cho những người thuộc diện thừa kế hoặc người đang trực tiếp sử dụng đất và quản lý tài sản bị thu hồi.

5. Trường hợp người bị thu hồi đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, trên thực tế đã chuyển quyền sử dụng đất cho người khác nhưng chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền theo quy định của pháp luật thì việc kiểm đếm được tiến hành với sự tham gia của người đã nhận chuyển quyền sử dụng đất trên thực tế (biên bản kiểm đếm phải ghi rõ lý do và thời điểm chuyển quyền sử dụng đất trên thực tế) và phải cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có khiếu nại của người có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, nhà ở gắn liền với đất ở mà các bên đã lập xong hợp đồng, giấy tờ về việc chuyển quyền nhưng người chuyển quyền sử dụng đất không nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc

một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 để cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận chuyển quyền thì kiểm đếm và lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho người nhận chuyển quyền. Người được bồi thường phải cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có khiếu nại của người có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp bao gồm nhiều loại đất trên cùng một thửa đất nhưng dự án chỉ thu hồi một phần diện tích của thửa đất đó thì căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất thực tế để xác định loại đất của phần diện tích thu hồi. Trường hợp người bị thu hồi đất có ý kiến đề nghị cụ thể về loại đất bồi thường thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải ghi rõ ý kiến đề nghị vào biên bản kiểm đếm để làm cơ sở tính toán, áp giá, lập phương án bồi thường cho phù hợp. Từ cơ sở này, cơ quan có thẩm quyền sẽ chỉnh lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp.

8. Đối với những trường hợp đang tranh chấp thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường vẫn tổ chức kiểm đếm theo quy định và ghi rõ trong biên bản kiểm đếm “đất đang tranh chấp” để làm cơ sở lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ.

Điều 10. Xác nhận các nội dung kê khai, kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất

Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an cấp xã có trách nhiệm xác nhận các nội dung theo mẫu số 02, 03, 04 phụ lục kèm theo Quy định này; trường hợp phải xác nhận từ 50 (năm mươi) đến dưới 100 (một trăm) hồ sơ thì thời gian được tính thêm là 05 (năm) ngày, từ 100 (một trăm) đến dưới 200 (hai trăm) hồ sơ thì thời gian được tính thêm là 10 (mười) ngày, từ 200 (hai trăm) hồ sơ trở lên thì thời gian được tính thêm là 15 (mười lăm) ngày. Nội dung xác nhận cụ thể như sau:

1. Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai để xác nhận nguồn gốc, thời điểm bắt đầu sử dụng đất theo loại đất, mục đích sử dụng đất; thời điểm xây dựng nhà ở, công trình trên đất của hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi thu hồi đất. Trường hợp không có hồ sơ để làm căn cứ xác nhận thì lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; thời điểm xây dựng nhà ở, công trình trên đất;

2. Xác nhận đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

3. Xác nhận nhân khẩu: Trường hợp người bị thu hồi đất có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà không cung cấp sổ hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú thì Công an cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm xác nhận nhân khẩu. Đối với những trường hợp còn lại, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường xác định nhân khẩu theo sổ hộ khẩu do người bị thu hồi đất cung cấp.

Điều 11. Thẩm tra nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm cung cấp thông tin các nội dung liên quan về đất (trong đó có vị trí đất) cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa cung cấp, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành công tác thẩm tra các nội dung có liên quan về đất.

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra xong các nội dung liên quan về đất, Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm thẩm tra các nội dung liên quan về nhà, công trình, vật kiến trúc trên đất (trường hợp trên đất bị thu hồi có nhà, công trình, vật kiến trúc).

2. Trường hợp phải thẩm tra từ 50 (năm mươi) đến dưới 100 (một trăm) hồ sơ thì thời gian được tính thêm là 05 (năm) ngày; từ 100 (một trăm) đến dưới 200 (hai trăm) hồ sơ thì thời gian được tính thêm là 10 (mười) ngày; từ 200 (hai trăm) hồ sơ trở lên thì thời gian được tính thêm là 15 (mười lăm) ngày.

Mục 3

LẬP, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 12. Lập, trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc thẩm tra xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi

thường có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi là phương án bồi thường) để trình thẩm định. Nội dung của phương án bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, sau đây gọi tắt là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Tổ chức lấy ý kiến và niêm yết công khai phương án bồi thường

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; đại diện những người có đất thu hồi.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp là 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất thu hồi.

3. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày thực hiện xong việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp về phương án bồi thường, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm hoàn chỉnh phương án bồi thường theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trình cơ quan tài nguyên và môi trường thẩm định.

Điều 13. Thẩm định phương án bồi thường

1. Cơ quan thẩm định phương án bồi thường

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định phương án bồi thường đối với những dự án sau:

Dự án có phạm vi thu hồi đất từ (02) hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

Dự án có quy mô lớn, tính chất phức tạp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường đối với những dự án còn lại.

2. Hồ sơ nộp cho cơ quan thẩm định gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định về phương án bồi thường đã hoàn chỉnh (kèm theo mẫu số 05, 06, 07, 08 phụ lục kèm theo Quy định này);

b) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư;

c) Thông báo thu hồi đất kèm theo biên bản niêm yết công khai thông báo thu hồi đất;

d) Bản đồ trích lục hoặc bản đồ trích đo địa chính khu vực dự án;

e) Bộ hồ sơ bồi thường của từng người có đất thu hồi, gồm:

- Giấy xác nhận các nội dung liên quan của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan;

- Biên bản kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất;

- Bảng áp giá bồi thường do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập;

- Biên bản niêm yết công khai;

- Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất thu hồi;

- Quyết định phê duyệt giá đất bồi thường của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Nội dung thẩm định

a) Họ và tên, địa chỉ của người có đất thu hồi;

b) Diện tích, loại đất, vị trí, nguồn gốc của đất bị thu hồi; số lượng, khối lượng, tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của tài sản bị thiệt hại;

c) Việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ;

d) Việc tính giá trị đất, giá tài sản để bồi thường;

đ) Bố trí tái định cư theo Điều 85, Điều 86 Luật Đất đai;

e) Phương án di dời các công trình của Nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư;

g) Bố trí địa điểm di dời mồ mả theo Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP;

h) Các nội dung khác có liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chuyển đến, cơ quan tài nguyên và môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm hoàn thành công tác thẩm định.

Trường hợp phải thẩm định từ 50 (năm mươi) đến 100 (một trăm) hồ sơ thì thời gian được tính thêm là 5 (năm) ngày; từ 100 (một trăm) đến 200 (hai trăm) hồ sơ thì thời gian được tính thêm là 10 (mười) ngày; từ 200 (hai trăm) hồ sơ trở lên thì thời gian được tính thêm là 15 (mười lăm) ngày. Kết quả thẩm định được thể hiện bằng văn bản do cơ quan chủ trì thẩm định ký ban hành.

Trường hợp trả hồ sơ để hoàn chỉnh phương án bồi thường hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ thì việc trả hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ phải có văn bản, nêu rõ lý do và thực hiện trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ.

Mục 4

THU HỒI ĐẤT VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG

Điều 14. Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường

1. Trường hợp khu đất thu hồi chỉ có đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai 2013:

Ngay sau khi phương án bồi thường được thẩm định, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm báo cáo và lập danh sách gồm tên đối tượng, số tờ, số thửa, diện tích cần thu hồi kèm theo thông báo thu hồi đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm hoàn chỉnh phương án bồi thường chuyển Sở Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường trong cùng 01 (một) ngày.

2. Trường hợp khu đất thu hồi chỉ có hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư và người Việt Nam ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam:

Ngay sau khi phương án bồi thường được thẩm định, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường trong cùng 01 (một) ngày. Đồng thời, có văn bản báo cáo về việc thu hồi đất của các trường hợp nêu trên; lập danh sách cụ thể tên tổ chức, số tờ, số thửa, diện tích thu hồi của các tổ chức gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp khu đất thu hồi có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 66 Luật Đất đai 2013:

a) Đối với các dự án thu hồi đất có liên quan từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp huyện trở lên:

Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Phòng Tài nguyên và Môi trường lập danh sách cụ thể gồm họ tên, diện tích, số tờ, số thửa, loại đất thu hồi gửi Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm hoàn chỉnh phương án bồi thường có tờ trình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường trong cùng 01 (một) ngày.

b) Đối với các dự án thu hồi đất trong phạm vi 01 (một) đơn vị hành chính cấp huyện:

Ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi đất đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai 2013 thuộc phạm vi dự án.

Ngay sau khi phương án bồi thường được thẩm định, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường trong cùng 01 (một) ngày. Đồng thời, có văn bản báo cáo về việc thu hồi đất của các trường hợp nêu trên; lập danh sách cụ thể tên tổ chức, số tờ, số thửa, diện tích thu hồi của các tổ chức gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ; CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ; CHI TRẢ BỒI THƯỜNG; CHI PHÍ THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG

Điều 15. Ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thông báo chi trả tiền bồi thường

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư của dự án, phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày có quyết định Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường.

1. Trường hợp quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã gửi hoặc niêm yết công khai mà người có đất thu hồi không đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thì sau 05 (năm) ngày, kể từ “ngày nhận tiền bồi thường” được ghi trong quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã gửi thông báo nhận tiền lần thứ hai kèm theo bản sao quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất thu hồi. Việc thông báo nhận tiền bồi thường đến giai đoạn này là hoàn tất.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập thông báo nhận tiền, giữ 01 (một) bản và vào sổ lưu; Ủy ban nhân dân cấp xã giữ 01 (một) bản; gửi cho người có đất thu hồi 01 (một) bản hoặc niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất thu hồi. Thông báo nhận tiền bồi thường ghi rõ người đến nhận tiền bồi thường phải mang theo chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các giấy tờ về nhà, đất (bản chính) để làm thủ tục nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

3. Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư dự án phải chuyên kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quyết định phê duyệt phương án bồi thường vào tài khoản của Trung tâm phát triển quỹ đất.

Điều 16. Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường có hiệu lực thi hành, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư dự án có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi. Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất thu hồi thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai 2013 và Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư dự án thực hiện.

Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ được thực hiện sau 05 (năm) ngày, kể từ ngày Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện xong việc niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường và ghi cụ thể vào thông báo nhận tiền lần thứ nhất theo quy định.

Khi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thu hồi toàn bộ giấy tờ về nhà, đất (bản chính) và chuyển cho Văn phòng Đăng ký đất đai để lưu hồ sơ (đối với trường hợp thu hồi hết thửa đất) hoặc chỉnh lý đối với trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thu hồi một phần thửa đất.

2. Sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày hết thời hạn chi trả tiền bồi thường theo “thông báo nhận tiền bồi thường lần thứ hai” mà người được bồi thường, hỗ trợ không đến liên hệ để nhận tiền thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi lập biên bản xác nhận và chuyển khoản tiền chi trả vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước.

3. Trường hợp người bị thu hồi đất vắng mặt hoặc không xác định được địa chỉ hoặc kiểm đếm theo diện vắng chủ mà người bị thu hồi đất không đến liên hệ để nhận tiền bồi thường thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại các địa điểm sinh hoạt của khu dân cư, thông báo trên Đài truyền thanh của cấp xã 03 (ba) lần liên tiếp trong vòng 03 (ba) ngày, đồng thời đăng thông báo trên Báo Đồng Nai trong 03 (ba) kỳ liên tiếp.

Sau 10 (mười) ngày kể từ ngày niêm yết, thông báo lần đầu mà người bị thu hồi đất không đến nhận tiền thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi lập biên bản xác nhận và chuyển vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước.

4. Đối với những trường hợp đang tranh chấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Thanh tra huyện phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi thẩm tra, xác minh đối tượng và quá trình sử dụng đất để làm cơ sở chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ chỉ thực hiện sau khi giải quyết xong tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tạm thời chuyển tiền chi trả vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước đến khi đã xác định đúng đối tượng hoặc giải quyết xong tranh chấp thì chi trả cho người được quyền thụ hưởng. Nếu sau khi thẩm tra, xác minh mà có sự khác biệt về đối tượng được bồi thường, hỗ trợ; số tiền bồi thường, hỗ trợ so với phương án bồi thường đã được phê duyệt thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung quyết định phê duyệt phương án bồi thường.

5. Đối với trường hợp kiểm đếm, lập phương án bồi thường theo diện vắng chủ nhưng sau đó xác định được người bị thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận lại người có đất thu hồi để làm cơ sở chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

6. Đối với trường hợp người có đất thu hồi đang thế chấp quyền sử dụng thửa đất bị thu hồi thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thông báo cho bên nhận thế chấp biết để yêu cầu người có đất thu hồi thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 17. Khấu trừ khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai vào số tiền được bồi thường, hỗ trợ

1. Đồng thời với thời điểm trình thẩm định phương án bồi thường, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có văn bản (kèm hồ sơ) đề nghị Chi cục thuế xác nhận về các khoản nghĩa vụ tài chính phải khấu trừ của từng người bị thu hồi đất.

2. Việc trừ khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai vào số tiền được bồi thường, hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Điều 18. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Dự toán chi phí để tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Đối với những dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, dự án xây dựng công trình hạ tầng theo

tuyển thì kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án không khống chế mức trích 2% (hai phần trăm). Tùy theo khối lượng công việc thực tế mà Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường quyết định kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án theo quy định của pháp luật.

Cơ quan tài nguyên và môi trường chủ trì thẩm định và trình phê duyệt phương án bồi thường; kiểm tra, hướng dẫn thực hiện quy định về bồi thường; đề xuất giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường; kiểm tra việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và được trích 20% (hai mươi phần trăm) trong tổng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm nộp phần kinh phí được trích nêu trên vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư chuyển kinh phí theo quyết định đã được phê duyệt. Cụ thể như sau:

a) Đối với những dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Sở Tài nguyên và Môi trường được trích 20% (hai mươi phần trăm) trong tổng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án để chủ trì thẩm định và trình phê duyệt phương án bồi thường; kiểm tra, hướng dẫn thực hiện quy định về bồi thường; đề xuất giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường; kiểm tra việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

b) Đối với những dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định phương án bồi thường thì Sở Tài nguyên và Môi trường được trích 18% (mười tám phần trăm) trong tổng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án để chủ trì thẩm định phương án bồi thường; kiểm tra, hướng dẫn thực hiện quy định về bồi thường; đề xuất giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường; kiểm tra việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Phòng Tài nguyên và Môi trường được trích 02% (hai phần trăm) trong tổng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường.

c) Đối với những dự án thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định phương án bồi thường thì Phòng Tài nguyên và Môi trường được trích 15% (mười lăm phần trăm) trong tổng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án để chủ trì thẩm định và trình phê duyệt

phương án bồi thường. Sở Tài nguyên và Môi trường được trích 05% (năm phần trăm) trong tổng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án để chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra, hướng dẫn thực hiện quy định về bồi thường; đề xuất giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường; kiểm tra việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Chương IV

BÀN GIAO ĐẤT, CƯỠNG CHẾ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 19. Bàn giao đất và cưỡng chế thực hiện quyết định thu thu hồi đất

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất (hoặc đã chuyển tiền vào kho bạc đối với các trường hợp vắng chủ) theo phương án đã được xét duyệt thì người có đất bị thu hồi phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng. Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thì Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tổ chức vận động thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.

2. Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày người có đất thu hồi đã được vận động thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013.

Điều 20. Giải quyết khiếu nại

1. Người có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng cưỡng chế nếu việc cưỡng chế chưa hoàn thành; hủy bỏ quyết định thu hồi đất đã ban hành và bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra (nếu có).

3. Đối với trường hợp việc thu hồi đất có liên quan đến tổ chức, cá nhân khác trong việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật thì Nhà nước tiến hành

thu hồi đất, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng đất, người có đất thu hồi có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định tại Điều 204 của Luật Đất đai 2013 và quy định giải quyết khiếu nại tại Luật Khiếu nại năm 2011.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN


Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này và kiểm tra việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại các địa phương.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa ban hành quy chế phối hợp giữa các phòng, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và việc sử dụng nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường được trích theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Trần Minh Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM Đếm VỀ ĐẤT ĐAI, THỐNG KÊ NHÀ Ở,
TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Dự án:

Hôm nay, vào lúcgiờ.... ngày tháng ... năm 20.... tại.....

Chúng tôi gồm các thành phần sau:

1. Ông (Bà)Đại diện: Trung tâm Phát triển quỹ đất.
2. Ông (Bà)Đại diện: Phòng Tài nguyên và Môi trường.
3. Ông (Bà)Đại diện: Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh cấp huyện.
4. Ông (Bà)Đại diện: Đại diện Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Hạ tầng Kinh tế.
5. Ông (Bà)Đại diện: Chủ dự án.
6. Ông (Bà)Đại diện: UBND cấp xã.
7. Ông (Bà)Đại diện: UBMTTQVN cấp xã.
8. Ông (Bà)Đại diện: Khu phố, thôn, ấp, xóm.
9. Ông (Bà)Đại diện những người có đất thu hồi.
10. Ông (Bà)Người có đất, tài sản thu hồi.

Đã tiến hành kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất của Ông (Bà):

Địa chỉ nơi cư trú:

Số điện thoại liên lạc:

Kết quả như sau:

I. Về đất:

Thửa đất số....., tờ bản đồ số....., diện tích (m²)....., hiện trạng sử dụng đất.....

.....
.....
.....

(ghi cụ thể từng thửa đất thuộc tờ bản đồ nào, diện tích đất thu hồi của từng thửa đất, hiện trạng sử dụng của từng thửa đất)

II. Về nhà ở, vật kiến trúc và tài sản khác:

Địa chỉ nhà (theo địa chỉ thửa đất có nhà ở):

Vị trí nhà bị giải tỏa nằm tại thửa đất số.....tờ bản đồ số.....

Diện tích nhà bị giải tỏam².

- Mái khung cột tường

- Nền trần cửa

- Diện tích xây dựng chính: chiều ngangm x chiều dàim.

Diện tích nhà bị ảnh hưởngm².

- Mái khung cột tường

- Nền trần cửa

- Diện tích xây dựng chính: chiều ngangm x chiều dàim.

Loại nhà

Đồng hồ điện: Đồng hồ nước Điện thoại bàn:

Vật kiến trúc và tài sản khác (giếng, sân, chuồng, trại: kiểm đếm, đánh giá cả phần bị giải tỏa và phần bị ảnh hưởng):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họa đồ bố trí nhà ở, vật kiến trúc (do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện):

III. Về cây trồng:

ST T	Tên loại cây	Số lượng cây					Ghi chú
		Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Loại E	

Các thành phần tham gia kiểm đếm thống nhất nội dung như trên và cùng ký tên.

Các thành phần tham gia kiểm đếm
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ sử dụng đất và tài sản trên đất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn
(Ký tên, đóng dấu)

có); mục đích sử dụng đất; do ai sử dụng; có sử dụng ổn định không, có tranh chấp không.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Cán bộ Địa chính
(Ký tên)

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn
(Ký tên đóng dấu)

Ý kiến thẩm tra của Phòng Tài nguyên và Môi trường
(Ký tên, đóng dấu)

Ý kiến thẩm tra của Phòng Quản lý Đô thị
hoặc Phòng Công thương hoặc Phòng KT-HT
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Ở cột số (1), (2), (3) nếu có thay đổi về số tờ, số thửa, diện tích thì ghi số tờ, số thửa theo Giấy CNQSDĐ trong ngoặc đơn;
- Xác nhận phần diện tích chênh lệch giữa giấy CNQSDĐ được cấp và diện tích thực tế sử dụng (nếu có) theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Xác nhận cho từng thửa đất. Nếu nhiều thửa đất có cùng nguồn gốc, thời điểm, mục đích sử dụng thì có thể ghi chung cho nhiều thửa.
- Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi được xác định theo tỷ lệ phần trăm của diện tích đất nông nghiệp thực tế bị thu hồi trên tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng của người bị thu hồi đất.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20.....

GIẤY XÁC NHẬN NHÂN KHẨU

Họ và tên chủ sử dụng đất:

- Ông (Bà):

CMND.....ngày cấp.....nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú:.....

- Địa chỉ tạm trú (nếu có):.....

Sử dụng đất thuộc dự án:

.....

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nghề nghiệp	Hộ khẩu thường trú	Quan hệ với chủ hộ	Ghi chú

.....ngàythángnăm 20.....

Ý kiến xác nhận của Công an xã (phường, thị trấn)
Ngày xác nhận
(ký tên, đóng dấu)

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn
(ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 20

**GIẤY XÁC NHẬN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
ĐƯỢC HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT; HỖ TRỢ
ĐÀO TẠO, CHUYÊN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM**

Dự án:

UBND xã, phường, thị trấn xác nhận:

- Ông (Bà):

- Địa chỉ:

1. Tổ chức, hộ gia đình cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (nội dung xác nhận theo các tiêu chí quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

.....

2. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (nội dung xác nhận theo các tiêu chí quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

.....

3. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ (nội dung xác nhận theo các tiêu chí quy định tại Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

.....

Hội Nông dân và các ban ngành đoàn thể
(Ký tên)

Cán bộ Địa chính
(Ký tên)

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn
(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Thuộc dự án:.....tại xã, phường, thị trấn.....huyện, thị xã, thành phố.....
 (kèm theo Tờ trình số.....ngày....tháng.....năm 20.....)

DVT: đồng

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)				Diện tích đất hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật nuôi	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú		
			Nông nghiệp		Phi nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
9																	
10																	
Tổng Cộng:																	

NGƯỜI LẬP BIỂU

..., ngày tháng ... năm 20.....
CHỦ TỊCH

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT

Thuộc dự án:.....tại xã, phường, thị trấn.....huyện, thị xã, thành phố.....
(kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm 20.....)

S TT	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích bồi thường (m ²)										Diện tích hỗ trợ (m ²)	Vị trí (VT..đ ường ...)	Mức giá (đồng/m ²)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Tình trạng pháp lý	
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp				Đất chưa sử dụng	Bồi thường về đất			Hỗ trợ về đất	Đã cấp GCNQSDĐ (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa Giấy CNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).		Chưa cấp GCNQSDĐ (nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng sử dụng, tranh chấp)	
								Tổng cộng	Đất trồng cây hàng năm		Đất trồng cây lâu năm	Tổng cộng	Đất ở	Đất chuyên dùng										
									Tổng	Trong đó đất trồng lúa														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1																								
2																								
3																								
4																								
5																								
6																								
7																								
8																								
9																								
10																								
Tổng cộng																								

, ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ Ở - TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

Thuộc dự án:.....tại xã, phường, thị trấn.....huyện, thị xã, thành phố.....

(kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm 20.....)

S TT	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; cơ sở bồi thường, hỗ trợ
							Bồi thường	Hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
Tổng cộng											

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

thuộc dự án:.....tại xã, phường, thị trấn.....huyện, thị xã, thành phố.....

(kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm 20.....)

S TT	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm			Hỗ trợ người đang thuê nhà không thuộc sở hữu nhà nước (đ)	Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn (đ)	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách (đ)	Hỗ trợ học phí (đ)	Hỗ trợ dịch vụ y tế (đ)	Hỗ trợ khác (đ)	Tổng cộng hỗ trợ (đ)
				Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ (đ)	Diện tích đất được hỗ trợ (m2)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ đào tạo, học nghề (đ)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1															
2															
3															
4															
5															
6															
7															
8															
9															
10															
Tổng cộng															

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP BIỂU